

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 02 - 2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Công Điện;
2. Ông Trịnh Xuân Hoàng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 577/2020/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HN, ngày 08 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HN, ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Ngọc T** (tên gọi khác G), sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp Long Phụng A, xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* **Lê Văn L**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp Long Phụng A, xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Nguyễn Ngọc T (sau đây gọi chị T) trình bày: giữa chị và bị đơn Lê Văn L (sau đây gọi anh L) qua tìm hiểu nhau, tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị không chung thủy, có quan hệ bất chính với phụ nữ bên ngoài, từ đó tình cảm rạn nứt, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh L.

-Về con chung: có một người con chung tên Lê Thành D (nam), sinh ngày 03 tháng 6 năm 2005.

Từ khi ly thân đến nay, con sống với chị, nay ly hôn, con muốn sống với ai người đó nuôi dưỡng, người còn lại chưa phải cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: chị trình bày là chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 12 năm 2020, cháu Lê Thành D trình bày (có sự chứng kiến của chị T): Khi cha, mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng; bị đơn chưa phải cấp dưỡng; về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn L được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với anh L.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: chị Th và anh L qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới đời sống chung năm 2005, đến ngày 12 tháng 7 năm 2010 có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th: chị và anh L trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, theo chị trình bày là do anh L không chung thủy, từ đó bất đồng quan điểm sống nhưng không có giải pháp khắc phục để hoà giải, hàn gắn tình cảm mà đã sống ly thân; xét thấy thời gian ly thân đã lâu thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ nhưng anh L không có mặt, chứng tỏ rằng anh L không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Trong khi tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L và cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: có một người con chung, nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ nên cần tiếp tục giao cháu cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh L có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh L mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về tài sản và nợ chung: chị T trình bày chưa yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa Nguyễn Ngọc T và anh Lê Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Thành D (nam), sinh ngày 03 tháng 6 năm 2005 cho chị Nguyễn Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh L có yêu cầu khác.

Anh Lê Văn L chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho Lê Văn L mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyễn Ngọc T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007122, ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã H, h. H; t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm